

Số: 44/2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

THÔNG TƯ**Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 35/2004/TTLT-BTC-BGDĐT
ngày 26 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo
hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và mức chi của
Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư bãi bỏ Thông tư liên tịch số 35/2004/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và mức chi của Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Thông tư liên tịch

Bãi bỏ toàn bộ Thông tư liên tịch số 35/2004/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và mức chi của Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 8 năm 2024.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Kho bạc Nhà nước, Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp, Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước, Vụ Pháp chế) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
 - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
 - Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
 - Văn phòng Tổng Bí thư;
 - Văn phòng Quốc hội;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Văn phòng Chủ tịch nước;
 - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
 - Hội đồng Dân tộc;
 - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
 - Tòa án Nhân dân tối cao;
 - Các Ủy ban của Quốc hội;
 - Kiểm toán Nhà nước;
 - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
 - UBND, HĐND các tỉnh, TP thực hiện dự án;
 - Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính,
Kho bạc Nhà nước các tỉnh, TP thực hiện dự án;
- } Danh sách
kèm theo
- Công báo;
 - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
 - Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
 - Cổng Thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - Lưu: VT, QLN (20 bản). /

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Thanh Hưng

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN DỰ ÁN
“GIÁO DỤC TIỂU HỌC CHO TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN”
(Kèm theo Thông tư số 44/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT | Tỉnh, thành phố |
|------------|------------------------|
| 1 | Hà Giang |
| 2 | Cao Bằng |
| 3 | Bắc Kạn |
| 4 | Lạng Sơn |
| 5 | Tuyên Quang |
| 6 | Yên Bái |
| 7 | Hòa Bình |
| 8 | Quảng Ninh |
| 9 | Lai Châu |
| 10 | Sơn La |
| 11 | Thanh Hoá |
| 12 | Nghệ An |
| 13 | Quảng Bình |
| 14 | Quảng Trị |
| 15 | Thừa Thiên Huế |
| 16 | Quảng Nam |
| 17 | Quảng Ngãi |
| 18 | Bình Định |
| 19 | Phú Yên |
| 20 | Khánh Hoà |
| 21 | Gia Lai |
| 22 | Kon Tum |
| 23 | Đắk Lắk |
| 24 | Lâm Đồng |
| 25 | Ninh Thuận |
| 26 | Bình Phước |
| 27 | Tây Ninh |
| 28 | Đồng Nai |
| 29 | Bình Thuận |
| 30 | Long An |
| 31 | Đồng Tháp |
| 32 | An Giang |
| 33 | Kiên Giang |
| 34 | Cần Thơ |
| 35 | Trà Vinh |
| 36 | Sóc Trăng |
| 37 | Bạc Liêu |
| 38 | Cà Mau |